



ĐÁNH GIÁ TƯƠNG QUAN KHÔNG GIAN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH GIỮA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VIỆT NAM THÔNG QUA CHỈ SỐ MORAN'S I

Hoàng Thị Kim Thoa*, Nguyễn Mạnh Hùng

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Kim Thoa <hoangthikimthoa@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 28-3-2025; Ngày chấp nhận đăng: 6-6-2025)

Tóm tắt. Nghiên cứu này đánh giá tương quan không gian về doanh thu du lịch lữ hành giữa các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung Việt Nam thông qua chỉ số Moran's I cho giai đoạn 2012 – 2023. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tương quan không gian cùng chiều về doanh thu du lịch lữ hành giữa các địa phương vùng BTB&DHMT giai đoạn 2012 – 2019, trong đó hai trung tâm du lịch trọng điểm của vùng là Đà Nẵng – Quảng Nam có sự tương quan thuận chiều và được định vị vào cùng một nhóm địa phương có quy mô cao về doanh thu du lịch lữ hành, trong khi Khánh Hòa cũng là trung tâm du lịch lớn của vùng nhưng không thể hiện được sự liên kết, tạo hiệu ứng lan tỏa đối với sự phát triển du lịch của các địa phương lân cận.

Từ khóa: chỉ số Moran's I, doanh thu du lịch lữ hành, tương quan không gian, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung

Assessing spatial correlation in tourism development across Vietnam's North Central and Central Coastal provinces through Moran's I index

Hoang Thi Kim Thoa*, Nguyen Manh Hung

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Hoang Thi Kim Thoa <hoangthikimthoa@hueuni.edu.vn>

(Received: March 28, 2025; Accepted: June 6, 2025)

Abstract. This study aims to assess the spatial autocorrelation of tourism revenue across provinces in Vietnam's North Central and Central Coastal Region over the period 2012–2023, employing Moran's I statistic. The results indicate positive spatial dependence among provinces during the period from 2012 to 2019, with

a particularly strong positive correlation between Da Nang and Quang Nam, both of which are located in the quadrant associated with high tourism revenue. Although Khanh Hoa is also a major tourism center in the region, it does not exhibit strong linkages or a spillover effect on the tourism development of its neighboring provinces.

Keywords: Moran's I index, tourism revenue, spatial correlation, North Central and Central Coast of Vietnam

1 Đặt vấn đề

Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (BTB&DHMT) là một trong 06 vùng du lịch của Việt Nam theo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, gồm 14 địa phương nằm dọc bờ biển miền Trung (từ Thanh Hóa đến Ninh Thuận [1]). Đây là vùng có nhiều lợi thế và tiềm năng để phát triển du lịch nhờ sở hữu những bãi biển và vịnh biển thuộc loại đẹp nhất cả nước và thế giới; tài nguyên du lịch văn hoá đặc sắc – đa dạng (chiếm gần 1/3 số lượng di sản thế giới đã được công nhận) với “Con đường di sản miền Trung” gồm các di sản thế giới như thành Nhà Hồ, dân ca Ví dặm Nghệ Tĩnh, Phong Nha – Kẻ Bàng, cố đô Huế và Nhã nhạc Cung đình Huế, Mỹ Sơn, phố cổ Hội An, bãi chòi Trung Bộ, các di sản văn hóa Chăm ở khu vực Nam Trung Bộ, ... Các di sản thế giới và thương hiệu con đường di sản miền Trung là báu vật chung của khu vực, quốc gia và ASEAN trong phát triển kinh tế và du lịch [2]. Báo cáo tại Hội nghị Hội đồng điều phối vùng BTB&DHMT lần thứ 5 cho biết, tổng lượt khách đến thăm quan du lịch năm 2024 đạt khoảng 96 triệu lượt khách, trong đó có hơn 78,5 triệu lượt khách nội địa và khoảng 17,52 triệu lượt khách quốc tế [3].

Tuy nhiên, xét trên bình diện tổng thể, ngành du lịch của các địa phương vùng BTB&DHMT vẫn chưa phát huy được những lợi thế và tiềm năng đó [4–6]. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng doanh thu du lịch lữ hành năm 2023 của các địa phương vùng BTB&DHMT đạt 9.564,1 tỷ đồng, nhưng chỉ đóng góp 13,87% vào tổng doanh thu du lịch lữ hành của cả nước. Trong khi đó, vùng Đồng bằng sông Hồng đạt mức 24.533,93 tỷ đồng; vùng Đông Nam Bộ là 30.249,89 tỷ đồng, cao gấp 3 lần so với vùng BTB&DHMT. Mặc dù thị trường khách du lịch của vùng đã được mở rộng, nhưng sự phân bố khách và thị phần du lịch giữa các địa phương không đồng đều [4]. Theo báo cáo thường niên du lịch Việt Nam năm 2019 (trước khi Đại dịch Covid-19 xảy ra), lượng khách quốc tế tập trung chủ yếu đến các địa phương như Quảng Nam (4,6 triệu lượt khách, nhưng chưa bằng 50% lượng khách đến thành phố Hồ Chí Minh), Khánh Hòa (3,6 triệu lượt), Đà Nẵng (3,5 triệu lượt, chỉ bằng 50% số lượng du khách đến Hà Nội) và Thừa Thiên Huế (2,2 triệu lượt khách, bằng 38,4% lượng du khách đến Quảng Ninh), trong khi 10 tỉnh còn lại chưa thu hút được nhiều khách quốc tế [7]. Những hạn chế này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến việc liên kết giữa các địa phương để phát triển các sản phẩm du lịch có tính chất tổng hợp mang tính đặc trưng trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng về nguồn tài nguyên du lịch của vùng; tư duy phát triển du lịch ở các địa phương vẫn còn mang nặng tính “Tự lực địa phương” là chính, dẫn đến sự chia cắt, manh mún [8], làm cho các nguồn lực và tài nguyên du lịch ở các địa phương vùng BTB&DHMT vẫn chưa được khai thác hiệu quả, chưa thực sự đóng góp mạnh mẽ vào quá

trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng; sức lan tỏa của ngành du lịch đối với nền kinh tế vẫn còn thấp.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích tương quan không gian với chỉ số Moran's I nhằm đo lường mức độ tự tương quan không gian của doanh thu du lịch lũy hành giữa các địa phương vùng BTB&DHMT. Qua đó, nghiên cứu kiểm chứng sự tồn tại của mối liên hệ không gian trong phát triển du lịch, nhận diện chiều hướng và mức độ phân bố không gian tương đồng hay khác biệt về hiệu quả du lịch giữa các địa phương, làm cơ sở đề xuất các hàm ý chính sách tăng cường liên kết phát triển du lịch vùng một cách hiệu quả và bền vững.

2 Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm gần đây, phương pháp phân tích tương quan không gian đã được vận dụng trong nghiên cứu kinh tế. Zhu và cs. [9] sử dụng chỉ số Moran để kiểm chứng sự tương quan không gian về dòng khách du lịch đến Trung Quốc giai đoạn 2001–2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số Moran tổng thể lượng khách du lịch lớn hơn 0, có ý nghĩa thống kê và phản ánh có mối tương quan không gian dương (cùng chiều). Ngoài ra, có sự phân mảnh không gian về dòng khách du lịch trên lãnh thổ của Trung Quốc, trong đó lượng khách du lịch tập trung chủ yếu ở các tỉnh ven biển phía Đông. Ngược lại, các tỉnh phía Tây Bắc và Đông Bắc có khả năng thu hút khách du lịch kém hơn do trình độ phát triển du lịch thấp (mặc dù là vùng giàu tài nguyên du lịch).

Sĩ và cs. [10] sử dụng số liệu Niên giám thống kê về doanh thu du lịch của 63 tỉnh thành của Việt Nam giai đoạn 2013–2017 để kiểm định mối tương quan không gian về tăng trưởng doanh thu du lịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự tương quan giữa các tỉnh gần nhau trong tăng trưởng doanh thu du lịch, tức là tăng trưởng du lịch của địa phương này có tác động đến tăng trưởng doanh thu của các tỉnh lân cận. Từ kết quả này, tác giả cho rằng, các địa phương lân cận về mặt địa lý cần có các chính sách liên kết với nhau nhằm thúc đẩy tăng trưởng ngành du lịch.

Thái và cs. [11] đã sử dụng kết hợp chỉ số Moran's I và chỉ số Getis và Ord's G để kiểm định sự tương quan không gian của ngành du lịch đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ngành du lịch Việt Nam có tính hội tụ và tồn tại mối quan hệ dương về mặt không gian, các tỉnh thành có ngành du lịch phát triển cao tập trung chủ yếu ở hai khu vực là đồng bằng sông Hồng và khu vực Đông Nam Bộ – là những khu vực có nền kinh tế phát triển, cơ sở hạ tầng giao thông thuận tiện, tạo điều kiện thúc đẩy ngành du lịch phát triển. Các tỉnh có ngành du lịch kém phát triển tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền núi, khu vực miền Trung, khu vực Tây Nguyên, khu vực đồng bằng sông Cửu Long – đây là khu vực có điều kiện hạ tầng và giao thông còn nhiều hạn chế, gây cản trở đối với sự phát triển của ngành du lịch.

Từ các nghiên cứu trên có thể rút ra một số điểm chung đáng chú ý: Trước hết, các nghiên cứu đều sử dụng phương pháp phân tích tương quan không gian thông qua chỉ số Moran's I nhằm đo lường mức độ tự tương quan không gian giữa các địa phương trong lĩnh vực du lịch. Bên cạnh

đó, chỉ số Moran's I được vận dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau, từ dòng khách du lịch đến Trung Quốc, hay doanh thu du lịch và mức độ đóng góp của du lịch vào tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Hơn nữa, hầu hết các kết quả đều chỉ ra rằng tồn tại sự tương quan không gian dương giữa các địa phương – tức là các địa phương có mức phát triển du lịch tương đồng thường có xu hướng phân bố gần nhau về mặt địa lý. Điều này phản ánh xu hướng hình thành các cụm du lịch có sự hội tụ và lan tỏa không gian, từ đó gợi mở hàm ý chính sách về việc tăng cường liên kết vùng, hợp tác liên địa phương nhằm thúc đẩy phát triển du lịch một cách bền vững và đồng đều hơn.

Mặc dù các nghiên cứu trước đã vận dụng chỉ số Moran's I để phân tích tương quan không gian trong du lịch tại Trung Quốc và một số vùng ở Việt Nam, nhưng đến nay chưa có nghiên cứu nào tập trung phân tích chuyên sâu vào vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung – một khu vực có tiềm năng du lịch rất lớn nhưng vẫn tồn tại sự chênh lệch rõ rệt về lượng khách và doanh thu giữa các địa phương. Trong bối cảnh vùng BTB&DHMT được xác định là một trong sáu vùng du lịch trọng điểm quốc gia [1], việc phân tích mối liên kết không gian trong phát triển du lịch giữa các địa phương không chỉ giúp nhận diện cấu trúc phân bố hiện tại, mà còn cung cấp cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp thúc đẩy liên kết vùng, khai thác hiệu quả hơn các giá trị tài nguyên và tạo sức lan tỏa kinh tế. Đây chính là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng đến để lấp đầy.

3 Mô hình nghiên cứu

Theo Levine [12], phân tích tương quan không gian là mô tả mối liên hệ giữa các vị trí địa lý khác nhau về một đối tượng nào đó (biến phân tích) nhằm nhận diện mức độ tập trung hay phân tán giữa các vị trí địa lý. Các phương pháp chủ yếu được sử dụng để kiểm tra mối tương quan không gian gồm chỉ số Moran's I, thống kê Getis-Ord G, hệ số Geary (Geary's C), tỷ lệ khả năng xảy ra LR, kiểm định Wald, sai số không gian nhân tử Lagrang (LMerr) và hệ số nhân tử Lagrangian LMlag dùng để kiểm tra độ trễ không gian (Jong và cs. [13]). Trong số các phương pháp này, chỉ số Moran's I thường được sử dụng phổ biến nhất, được chia thành Moran's I tổng thể (Global Moran's I) và Moran's I bộ phận (Local Moran's I) để đo lường sự tương quan của giá trị thuộc tính của một đối tượng trong các vùng không gian liên kề (Ying [14]).

Chỉ số Moran's I tổng thể

Giả sử có n điểm không gian (points), với mỗi điểm $i = 1, \dots, n$ có giá trị quan sát là x_i . Các điểm và mối quan hệ giữa chúng tạo thành một mạng lưới được mô tả bởi ma trận trọng số không gian W . Các trọng số w_{ij} (với $i, j = 1, \dots, n$) biểu thị sự tồn tại của mối quan hệ giữa điểm i và điểm j . Các phần tử w_{ij} nằm trên đường chéo có giá trị bằng 0. Hệ số tự tương quan không gian cho biết mức độ mà các quan sát x_i ảnh hưởng lẫn nhau thông qua cấu trúc mạng lưới. Công thức tính chỉ số Moran's I tổng thể như sau [13]:

$$I = \frac{n}{2A} \frac{\sum_{i=1}^n \sum_{j=1}^n z_i w_{ij} z_j}{\sum_{i=1}^n z_i^2} \quad (1)$$

trong đó: z_i là những quan sát đã được chuẩn hóa: $z_i = x_i - \bar{x} = x_i - \sum_{j=1}^n x_j / n$

Đại lượng A được xác định bằng công thức:

$$A = \frac{1}{2} \sum_{i=1}^n \sum_{j=1}^n w_{ij} \quad (2)$$

Ma trận trọng số không gian (W) được viết như sau:

$$W = \begin{bmatrix} 0 & w_{12} & \cdots & w_{1n} \\ w_{21} & 0 & \cdots & w_{2n} \\ \vdots & \vdots & \ddots & \vdots \\ w_{n1} & w_{n2} & \cdots & 0 \end{bmatrix}$$

Trong nghiên cứu thực nghiệm, ma trận trọng số không gian W được xây dựng dựa trên khoảng cách địa lý hoặc sự tiếp giáp giữa các địa phương. Theo đó, nghiên cứu này sử dụng ma trận trọng số không gian tiếp giáp bậc nhất để đưa vào phân tích tương quan không gian. Coughlin và cs. [15] cho rằng: một địa phương i có chung đường biên với địa phương j ($i \neq j$) gọi là có tương quan không gian với nhau. Khi đó, mỗi phần tử của ma trận trọng số không gian W được xác định như sau:

$$W_{ij} = \begin{cases} 1 & \text{nếu địa phương } i \text{ và địa phương } j \text{ chung đường biên} \\ 0 & \text{nếu địa phương } i \text{ và địa phương } j \text{ không chung đường biên} \end{cases}$$

Mô hình tự tương quan không gian bắt đầu từ một giả thuyết không (null hypothesis), trong đó giả định không tồn tại tự tương quan không gian. Có hai mô hình giả thuyết không [13]:

- Các quan sát là độc lập với nhau, tức là các giá trị x_i là các biến ngẫu nhiên độc lập với phân phối có thể giống hoặc không giống nhau, và có thể biết hoặc chưa biết.

- Mỗi hoán vị của các quan sát x_i đều có xác suất xảy ra như nhau (tức là không có trật tự không gian cố định, phân bố hoàn toàn ngẫu nhiên).

Cliff và Ord [16] đưa ra giả định liên quan đến Moran's I như sau:

$$I \begin{cases} > \frac{-1}{n-1} & \text{tồn tại tự tương quan không gian dương} \\ = \frac{-1}{n-1} & \text{không có tự tương quan không gian} \\ < \frac{-1}{n-1} & \text{tồn tại tự tương quan không gian âm} \end{cases} \quad (3)$$

trong đó, $E(I) = \frac{-1}{n-1}$ là giá trị kỳ vọng của I

Chỉ số Moran's I bộ phận

Chỉ số này được sử dụng để xác định các cụm không gian bộ phận dựa trên mức độ tương đồng giữa từng khu vực với các khu vực lân cận [17]. Công thức tính chỉ số Moran's I bộ phận như sau:

$$I_i = z_i \sum_{j=1}^n w_{ij} z_j \quad (4)$$

Khi phân tích tự tương quan không gian bộ phận, biểu đồ phân tán Moran (Moran Scatterplot) được sử dụng để kiểm tra tính bất ổn định trong không gian bộ phận (Anselin [18]). Biểu đồ này có hai trục, trục tung thể hiện giá trị độ trễ không gian Wz so với giá trị ban đầu z ở trục hoành (với $z = x_i - \bar{x}$), và được chia thành bốn góc phần tư khác nhau tương ứng với bốn kiểu liên kết không gian bộ phận giữa một địa phương với các địa phương lân cận, cụ thể:

Góc phần tư thứ I ký hiệu là HH (cao – cao): một địa phương có giá trị thuộc tính cao (trên mức trung bình) và được bao quanh bởi các địa phương lân cận cũng có giá trị thuộc tính cao. Góc phần tư thứ II là LH (thấp - cao): một địa phương có giá trị thuộc tính thấp (dưới mức trung bình) và tiếp giáp với các địa phương có giá trị thuộc tính cao. Góc phần tư thứ III ký hiệu là LL (thấp – thấp): một địa phương có giá trị thuộc tính thấp được bao quanh bởi các địa phương có giá trị thuộc tính cũng thấp. Góc phần tư thứ IV là HL (cao – thấp): một địa phương có giá trị thuộc tính cao và tiếp giáp với các địa phương có giá trị thuộc tính thấp [19].

Như vậy, góc phần tư I và III đề cập đến tự tương quan không gian cùng chiều, tức là phân cụm không gian các địa phương có giá trị thuộc tính tương tự nhau. Trong khi đó, các góc phần tư thứ II và IV đại diện cho tự tương quan không gian âm, có nghĩa là phân cụm không gian các địa phương có giá trị thuộc tính khác nhau.

Wz	Góc phần tư II LH	Góc phần tư I HH
	Góc phần tư III LL	Góc phần tư IV HL
z		

Hình 1. Biểu đồ phân tán Moran

Nguồn: Anselin, 1996

4 Dữ liệu nghiên cứu

Nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả sử dụng số liệu thứ cấp về doanh thu du lịch lữ hành của các địa phương vùng BTB&DHMT giai đoạn 2012–2023, được thu thập từ nguồn dữ liệu mở của Tổng cục Thống kê Việt Nam (<https://www.nso.gov.vn/>).

Theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [20], doanh thu du lịch lữ hành bao gồm doanh thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch trọn gói, đặt tour, dịch vụ hướng dẫn, và các hoạt động tổ chức, phục vụ khách du lịch nội địa và quốc tế do các doanh nghiệp lữ hành thực hiện. Như vậy, doanh thu du lịch lữ hành được thu thập thông qua hệ thống báo cáo tài chính định kỳ của các doanh nghiệp đăng ký hoạt động lữ hành, và tổng hợp tại cấp cục/thống kê tỉnh.

Trong nghiên cứu này, doanh thu du lịch lữ hành được sử dụng như một chỉ tiêu phản ánh kết quả phát triển của ngành du lịch tại từng địa phương, đồng thời được đặt trong mối tương quan không gian nhằm khảo sát mức độ liên kết/hợp tác giữa các tỉnh trong vùng. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng số liệu này có thể chịu ảnh hưởng bởi khả năng khai báo chưa đầy đủ từ các doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hoặc khác biệt trong phương pháp hạch toán giữa các địa phương. Ngoài ra, các thay đổi về chính sách phân loại ngành hoặc tiêu chí báo cáo qua từng giai đoạn cũng có thể ảnh hưởng đến tính so sánh qua thời gian. Vì vậy, việc phân tích cần được xem xét trong bối cảnh có thể có sai số thống kê hoặc độ trễ trong ghi nhận dữ liệu.

Việc tác giả lựa chọn doanh thu du lịch lữ hành làm biến số phân tích trong nghiên cứu này xuất phát từ hai lý do chính sau đây:

1) Trong bối cảnh thực tiễn hiện nay, số liệu thống kê về doanh thu du lịch hoặc số lượng khách du lịch phân theo địa phương chưa được Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố trên website chính thức. Ngược lại, chỉ tiêu doanh thu du lịch lữ hành lại là một trong số ít biến số có sẵn dữ liệu chuỗi thời gian. Việc lựa chọn biến số này vì thế vừa đảm bảo tính thực chứng, vừa đáp ứng yêu cầu về tính liên tục chuỗi thời gian trong phân tích tương quan không gian.

2) Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 18/2021/TT-BVHTTDL [20], hoạt động lữ hành được hiểu là việc xây dựng, bán và tổ chức thực hiện một phần hoặc toàn bộ chương trình du lịch cho khách. Chương trình du lịch bao gồm lịch trình, dịch vụ, giá bán – tức là toàn bộ quá trình tạo ra giá trị gia tăng thực sự của ngành du lịch. Doanh thu từ hoạt động lữ hành phản ánh trực tiếp hiệu quả kinh tế của ngành du lịch, bởi đây là khoản doanh thu gắn liền với việc tổ chức và tiêu thụ các sản phẩm du lịch có chủ đích. So với các chỉ tiêu khác như doanh thu dịch vụ lưu trú – ăn uống, chỉ tiêu bình quân của khách du lịch hay tổng lượt khách, chỉ tiêu doanh thu lữ hành có độ chính xác cao hơn trong việc phản ánh quy mô và hiệu quả hoạt động của ngành du lịch. Nguyên nhân là do các chỉ tiêu tổng hợp còn lại thường bao gồm cả những đối tượng không phải khách du lịch thực thụ (có thể đi theo mục đích khác), dẫn đến khó phân tách rõ mục đích du lịch trong hoạt động tiêu dùng.

Từ cả góc độ khái niệm và dữ liệu, việc sử dụng chỉ tiêu doanh thu du lịch lữ hành là hợp lý để đại diện cho kết quả phát triển du lịch của từng địa phương, đồng thời cho phép đánh giá rõ hơn mối liên kết và mức độ lan tỏa không gian trong phát triển du lịch vùng.

Việc tính toán và thống kê dữ liệu cho nghiên cứu này được thực hiện trên máy tính bằng phần mềm Stata 17.0 với quy trình cụ thể như sau:

Bước 1: Xây dựng ma trận trọng số không gian (spatial weight matrix – W) dựa trên tiêu chí cận kề địa lý giữa các tỉnh/thành phố trong vùng BTB&DHMT. Trong nghiên cứu này, ma trận W được thiết lập theo phương pháp "queen contiguity" cấp độ 1 – nghĩa là các tỉnh có chung đường biên giới được xác định là lân cận.

Bước 2: Tính chỉ số Moran's I tổng thể (Global Moran's I) để kiểm định mức độ tự tương quan không gian trên toàn vùng. Chỉ số này đi kèm với kiểm định thống kê (z -value và p -value) nhằm đánh giá ý nghĩa của kết quả.

Bước 3: Tính chỉ số Moran's I bộ phận (Local Moran's I) cho từng địa phương, nhằm phát hiện các cụm không gian có ý nghĩa thống kê (local spatial clusters) như các nhóm "Cao–Cao" (high-high), "Thấp–Thấp" (low-low), hoặc các điểm bất thường "Cao–Thấp" (high-low), "Thấp–Cao" (low-high).

Bước 4: Biểu diễn kết quả thông qua biểu đồ phân tán Moran (Moran scatterplot) để trực quan hóa mối quan hệ giữa giá trị Wz và z .

5 Kết quả nghiên cứu

5.1 Tình hình doanh thu du lịch lữ hành vùng BTB&DHMT

Theo số liệu niên giám của Tổng cục Thống kê, tổng doanh thu du lịch lữ hành giai đoạn 2012 – 2023 của các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có xu hướng gia tăng về quy mô và tỷ trọng trong ngành du lịch của cả nước. Nếu như năm 2012, tổng doanh thu du lịch lữ hành tính theo giá hiện hành của 14 địa phương trong vùng là 1.254,6 tỷ đồng, chiếm 6,65% tổng doanh thu du lịch lữ hành của cả nước, thì đến năm 2019 đạt 4.111,5 tỷ đồng (chiếm 9,2%) và năm 2023 ước đạt 9.564,1 tỷ đồng, đóng góp 13,87% vào tổng doanh thu du lịch lữ hành của cả nước. Trong đó, Đà Nẵng và Khánh Hòa là hai địa phương dẫn đầu về doanh thu du lịch lữ hành, chiếm 77% tổng doanh thu du lịch lữ hành của toàn vùng.

Cũng như các địa phương khác trong cả nước, ngành du lịch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 xảy ra trong giai đoạn 2020 – 2022, dẫn đến doanh thu du lịch lữ hành bị sụt giảm đáng kể. Đến năm 2023, khi dịch bệnh được kiểm soát, ngành du lịch của các địa phương đã bắt đầu phục hồi và đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao.

Bảng 1. Doanh thu du lịch lữ hành theo giá hiện hành của các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung giai đoạn 2012–2023

ĐVT: Tỷ đồng

Địa phương	2012	2019	2020	2021	2022	2023
Thanh Hóa	43,30	119,00	80,20	25,83	197,00	293,39
Nghệ An	51,80	109,70	52,30	13,27	114,00	221,83
Hà Tĩnh	5,20	27,00	12,20	7,78	16,40	46,37
Quảng Bình	54,30	300,30	125,40	52,37	218,57	383,87
Quảng Trị	34,40	37,90	6,70	6,54	20,19	26,19
Thừa Thiên Huế	110,80	238,80	104,20	20,96	188,02	326,53
Đà Nẵng	621,40	2.113,30	563,80	635,71	2.394,05	4.170,54
Quảng Nam	106,70	476,30	93,00	75,29	109,53	245,33
Quảng Ngãi	4,40	10,90	4,40	2,63	14,13	33,03
Bình Định	24,80	59,20	36,50	17,81	206,00	384,47
Phú Yên	1,50	4,30	2,10	1,43	9,70	8,40
Khánh Hòa	136,90	544,50	245,10	166,41	1.375,52	3.212,70
Ninh Thuận	2,90	2,90	1,40	1,35	7,04	30,15
Bình Thuận	56,20	67,40	40,00	33,50	106,22	181,30
Tổng cộng	1.254,60	4.111,50	1.367,30	1.060,88	4.976,37	9.564,10
So với cả nước (tỷ trọng)	6,65%	9,20%	8,29%	11,79%	11,44%	13,87%

Ghi chú: Để thu gọn bảng dữ liệu, các năm được chọn trình bày trong bảng là các mốc đặc trưng nhằm phản ánh xu hướng biến động rõ nét của doanh thu du lịch lữ hành qua ba giai đoạn: trước dịch Covid-19 (2012, 2019), trong dịch (2020–2021), và sau dịch (2022–2023). Số liệu các năm còn lại vẫn được sử dụng trong phân tích định lượng.

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

5.2 Phân tích tương quan không gian trong phát triển du lịch

Kết quả tính toán chỉ số Moran's I tổng thể về doanh thu du lịch lữ hành của các địa phương vùng BTB&DHMT giai đoạn 2012–2023 cho thấy xu hướng thay đổi trong đặc điểm tương quan không gian, cụ thể:

Trong giai đoạn 2012–2019, các giá trị Moran's I đều lớn hơn giá trị kỳ vọng $E(I) = -1/(n-1) \approx -0,077$ (với $n = 14$ tỉnh, thành), cho thấy tồn tại tương quan không gian dương (cùng chiều) giữa các địa phương, và phần lớn các năm có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Điều này phản ánh xu hướng địa phương có doanh thu cao (hoặc thấp) thường lân cận các địa phương có doanh thu tương đồng.

Ngược lại, từ 2020–2023, chỉ số Moran's I bắt đầu chuyển sang âm, đặc biệt trong hai năm 2022 và 2023 với giá trị nhỏ hơn $-0,077$, thể hiện dấu hiệu tương quan không gian âm (ngược chiều). Tuy nhiên, các hệ số trong giai đoạn này không có ý nghĩa thống kê, do đó chưa đủ cơ sở khoa học để khẳng định tồn tại tương quan không gian đáng kể trong doanh thu du lịch lữ hành giữa các địa phương.

Xu hướng thay đổi trong tương quan không gian của doanh thu du lịch lữ hành giai đoạn 2020–2023 có thể liên quan đến bối cảnh đặc biệt của đại dịch Covid-19. Trong giai đoạn này, các biện pháp phong tỏa, hạn chế di chuyển và tạm ngưng hoạt động du lịch trên phạm vi cả nước đã dẫn đến sự sụt giảm đồng loạt về doanh thu tại nhiều địa phương. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng không hoàn toàn đồng đều, do sự khác biệt trong cấu trúc ngành du lịch, khả năng thích ứng và chiến lược ứng phó tại mỗi tỉnh thành.

Những yếu tố này có thể đã làm suy yếu mối liên kết không gian trong phát triển du lịch giữa các địa phương, khiến chỉ số Moran's I giảm và không còn có ý nghĩa thống kê trong giai đoạn này. Khác với giai đoạn 2012–2019 khi các địa phương có xu hướng hình thành các cụm liên kết du lịch và thể hiện mức tương quan dương có ý nghĩa thống kê, giai đoạn 2020–2023 cho thấy sự phân tán trong kết quả phát triển, phản ánh trạng thái bất định và thiếu liên kết rõ nét giữa các tỉnh trong vùng về doanh thu du lịch lữ hành.

Dù chưa có bằng chứng trực tiếp để chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa đại dịch và sự thay đổi tương quan không gian, tuy nhiên, bối cảnh thực tiễn cho thấy những thay đổi này là hợp lý và đáng lưu ý trong phân tích, nhất là khi đặt trong tương quan với giai đoạn 2012–2019 vốn thể hiện sự hội tụ và liên kết mạnh mẽ hơn giữa các địa phương về doanh thu du lịch lữ hành.

Bảng 2. Kiểm định sự tương quan không gian về doanh thu du lịch lữ hành của các địa phương vùng BTB&DHMT

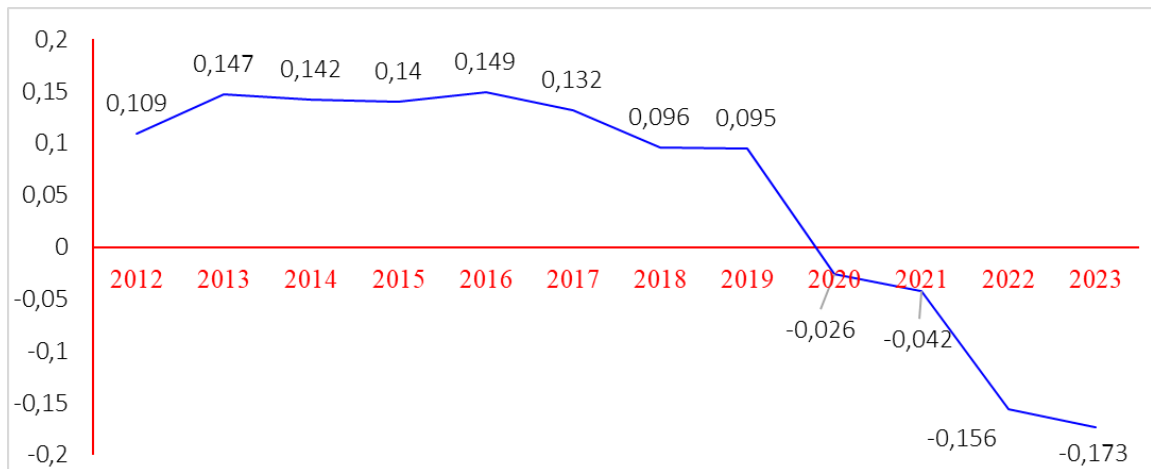
Năm	Chỉ số Moran's I (I)	Kỳ vọng của Moran's I (E(I))	Độ lệch chuẩn của Moran's I (sd(I))	Giá trị z (z-value)	Giá trị p (p-value)
2012	0,109**	-0,077	0,111	1.670	0,047
2013	0,147**	-0,077	0,12	1.872	0,031
2014	0,142**	-0,077	0,104	2.109	0,017
2015	0,140**	-0,077	0,118	1.839	0,033
2016	0,149**	-0,077	0,121	1.871	0,031
2017	0,132*	-0,077	0,131	1.588	0,056
2018	0,096*	-0,077	0,129	1.337	0,091

Năm	Chỉ số Moran's I (I)	Kỳ vọng của Moran's I (E(I))	Độ lệch chuẩn của Moran's I (sd(I))	Giá trị z (z-value)	Giá trị p (p-value)
2019	0,095*	-0,077	0,129	1.329	0,092
2020	-0,026 ^{ns}	-0,077	0,174	0,294	0,384
2021	-0,042 ^{ns}	-0,077	0,108	0,323	0,373
2022	-0,156 ^{ns}	-0,077	0,191	-0,416	0,339
2023	-0,173 ^{ns}	-0,077	0,216	-0,444	0,329

Ghi chú: **: Mức ý nghĩa 5%; *: Mức ý nghĩa 10%; ns: Không có ý nghĩa thống kê

Nguồn: Số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam được xử lý bằng Stata

Nhìn chung, chỉ số tương quan không gian Moran's I trong giai đoạn 2013–2023 còn ở mức thấp và có xu hướng suy giảm. Nếu như giai đoạn 2013–2016, chỉ số Moran's I tổng thể vùng dao động ổn định trong khoảng 0,140–0,149 với biên độ thấp, thì từ năm 2018 bắt đầu có dấu hiệu giảm rõ rệt, tiến gần về 0, và đến giai đoạn 2020–2023 thậm chí mang dấu âm. Đáng chú ý, năm 2019 được đánh giá là năm thịnh vượng của du lịch Việt Nam nói chung và vùng BTB&DHMT nói riêng với lượng khách quốc tế và nội địa đạt mức cao kỷ lục (Quảng Nam đạt 4,6 triệu lượt khách; Khánh Hòa thu hút 3,6 triệu lượt; Đà Nẵng với 3,5 triệu lượt; và Thừa Thiên Huế đạt 2,2 triệu lượt khách) [7]. Tuy nhiên, chỉ số Moran's I tại thời điểm này lại không tăng tương ứng, cho thấy sự không đồng đều trong hưởng lợi từ tăng trưởng du lịch giữa các địa phương trong vùng BTB&DHMT. Điều này có thể phản ánh thực tế rằng dù tổng thể ngành du lịch đang bùng nổ, nhưng dòng khách qua kênh lưu hành chưa lan tỏa đều, và việc liên kết tour giữa các tỉnh vẫn còn rời rạc. Đặc biệt, từ năm 2020, khi đại dịch COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động du lịch, du khách nội địa dần có xu hướng tự tổ chức các chuyến đi ngắn ngày thay vì đặt tour qua doanh nghiệp lưu hành. Đây chính là một trong những thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp lưu hành trong việc phát triển các tour liên địa phương và liên vùng một cách bền vững.

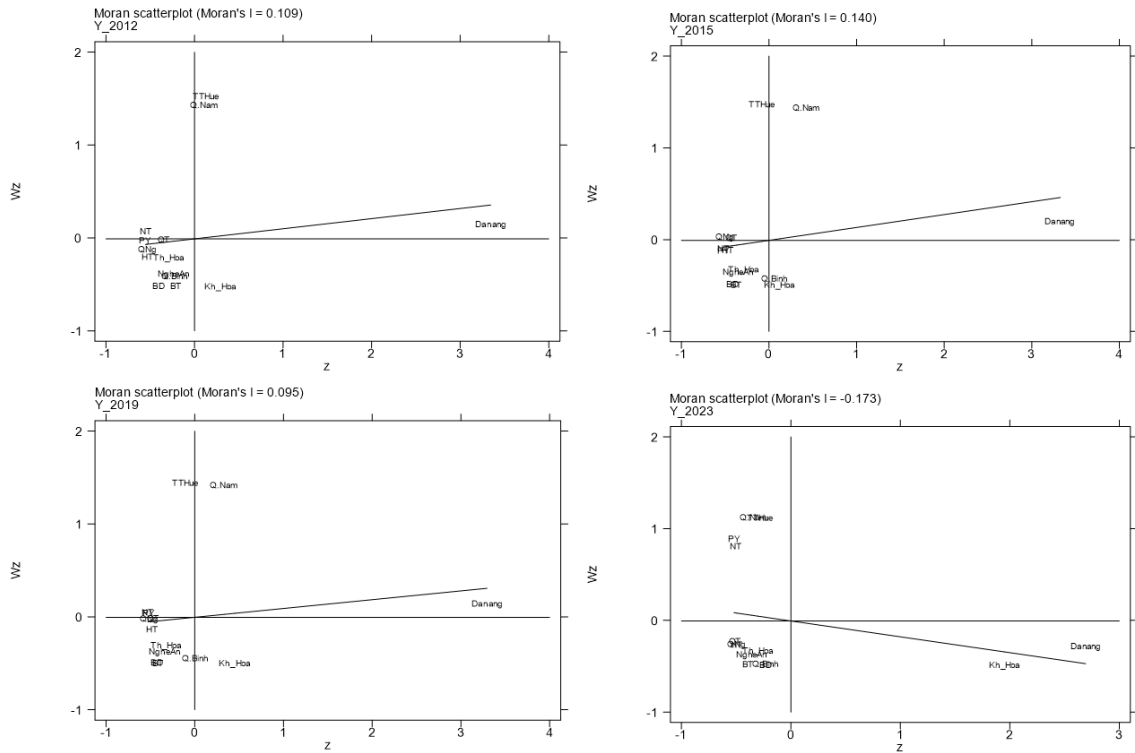


Hình 2. Chỉ số Moran's I tổng thể về doanh thu du lịch lữ hành của các địa phương thuộc vùng BTB&DHMT

Nguồn: Số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam được xử lý bằng Stata

Khi phân tích chỉ số Moran's I bộ phận cho thấy có sự phân cụm rõ nét về doanh thu du lịch lữ hành ở vùng BTB&DHMT. Năm 2012, Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế), Đà Nẵng và Quảng Nam là ba địa phương được xếp vào góc phần tư thứ I HH (cao – cao) trên biểu đồ phân tán Moran Scatterplot, tức là vùng có doanh thu du lịch lữ hành cao hơn so với các địa phương lân cận, phản ánh sự liên kết khá chặt chẽ giữa ba địa phương này. Đây là ba địa phương có lợi thế về tài nguyên du lịch, có vị trí địa lý tiếp giáp với nhau và nằm trên tuyến du lịch miền Trung – Tây Nguyên, nơi tập trung sáu di tích được thế giới công nhận, từ lâu đã có sự kết nối hai di sản lớn (Kinh thành Huế - Phố cổ Hội An). Để khai thác tiềm năng du lịch, nơi hội tụ các di sản văn hóa và thắng cảnh thiên nhiên thuận lợi cho sự phát triển du lịch văn hóa di sản và du lịch sinh thái, tỉnh Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam đã xây dựng chương trình liên kết “Ba địa phương, một điểm đến” từ năm 2006 với nhiều nội dung quan trọng đã được ký kết hợp tác và tổ chức thực hiện như: Nâng cao vai trò của hiệp hội về đối thoại công - tư; xây dựng cơ chế chính sách và quản lý nhà nước; hợp tác trong lĩnh vực thông tin du lịch; đầu tư và phát triển sản phẩm cũng như quảng bá cho sản phẩm của địa phương; đào tạo và phát triển du lịch.

Tuy nhiên, đến năm 2015 và 2019, chỉ có hai địa phương Đà Nẵng và Quảng Nam vẫn tiếp tục duy trì ở vị trí góc phần tư HH, trong khi Thừa Thiên Huế được xếp ở góc phần tư thứ II LH (tức là địa phương có doanh thu du lịch lữ hành thấp, mặc dù tiếp giáp với Đà Nẵng – địa phương có mức doanh thu du lịch cao). Quan sát trên biểu đồ Moran Scatterplot còn cho thấy, tỉnh Khánh Hòa (với trung tâm du lịch Nha Trang) là địa phương duy nhất luôn được định vị ở góc phần tư HL trong suốt giai đoạn 2012–2019, tức là địa phương có doanh thu du lịch lữ hành cao và tiếp giáp với các địa phương có mức doanh thu du lịch thấp, phản ánh tính liên kết phát triển du lịch giữa Khánh Hòa với các địa phương vùng BTB&DHMT là rất thấp. Các địa phương còn lại được định vị vào góc phần tư LL (thấp – thấp), tức là địa phương có doanh thu du lịch lữ hành thấp



Hình 3. Biểu đồ phân tán chỉ số Moran's I địa phương về doanh thu du lịch lữ hành vùng BTB&DHMT giai đoạn 2012 – 2023

Nguồn: Số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam được xử lý bằng Stata

không có sự liên kết với các trung tâm du lịch trọng điểm của vùng, bao gồm các tỉnh Bắc Trung Bộ (từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế) và các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Phú Yên.

6 Kết luận

Liên kết phát triển du lịch là xu thế mới của quá trình hợp tác phát triển kinh tế vùng và trở thành chiến lược trọng tâm tại nhiều nước trên thế giới. Từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khám phá sự tương quan không gian trong phát triển du lịch giữa các địa phương vùng BTB&DHMT Việt Nam. Kết quả phân tích chỉ số Moran's I tổng thể cho thấy có sự tương quan không gian cùng chiều về doanh thu du lịch lữ hành giữa các địa phương vùng BTB&DHMT trong giai đoạn 2012–2019. Đà Nẵng và Quảng Nam là hai trung tâm du lịch lớn của vùng có mối tương quan thuận chiều và được định vị vào nhóm có quy mô cao về doanh thu du lịch lữ hành, trong khi Khánh Hòa cũng là trung tâm du lịch lớn thứ hai của vùng nhưng không thể hiện được sự liên kết, tạo hiệu ứng lan tỏa đối với sự phát triển du lịch của các địa phương lân cận. Điều này thể hiện sự chia cắt và phân mảnh trong phát triển du lịch, dẫn đến các nguồn lực không được sử dụng một

cách hiệu quả, chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu du lịch cho toàn vùng.

Trên cơ sở nhận diện cấu trúc liên kết vùng, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách tăng cường liên kết du lịch theo hướng cụm địa phương:

Thứ nhất, xác định trục trung tâm liên kết du lịch của vùng là Đà Nẵng – Quảng Nam – Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế tài nguyên du lịch như Di sản văn hóa Huế, Phố cổ Hội An, ... để phát triển tour du lịch liên địa phương theo chương trình “Con đường di sản miền Trung”, góp phần tạo sự khác biệt và tính độc đáo của sản phẩm du lịch vùng, tiến tới xây dựng thương hiệu du lịch của cụm liên kết này, với vai trò hạt nhân phát triển. Đây là cụm có quy mô doanh thu lớn, có sự tương quan không gian tích cực, gần gũi về địa lý và đủ điều kiện để dẫn dắt quá trình liên kết du lịch liên tỉnh.

Thứ hai, hình thành cụm vệ tinh phía Bắc gồm Thanh Hóa – Nghệ An – Hà Tĩnh – Quảng Bình, liên kết với trục trung tâm thông qua các sản phẩm du lịch di sản, du lịch biển và sinh thái. Cụm này nên được kết nối chặt chẽ với Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Hội An thông qua chương trình “Con đường di sản miền Trung”.

Thứ ba, xem Bình Định là cực tăng trưởng mới của vùng phía Nam, với sự bứt phá rõ rệt về doanh thu và hạ tầng du lịch. Cần tăng cường kết nối Bình Định với trục trung tâm (Huế – Đà Nẵng – Quảng Nam) và cụm phía Nam (Khánh Hòa – Bình Thuận) để hình thành tuyến hành lang ven biển Nam Trung Bộ, phát huy thế mạnh về du lịch nghỉ dưỡng, biển đảo và sự kiện.

Thứ tư, hỗ trợ các địa phương có doanh thu du lịch thấp như Quảng Ngãi, Phú Yên, Ninh Thuận thông qua phát triển sản phẩm đặc thù, xây dựng thương hiệu điểm đến, đồng thời tăng cường xúc tiến chung với cụm liên kết.

Mặc dù nghiên cứu này đã góp phần làm rõ chiều hướng và mức độ liên kết không gian trong phát triển du lịch vùng BTB&DHMT, song vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể, chỉ tiêu sử dụng là doanh thu du lịch lũy hành do Tổng cục Thống kê công bố nên chưa phản ánh toàn diện hoạt động của toàn ngành du lịch (bao gồm lưu trú, ăn uống, vận chuyển, vui chơi giải trí, ...). Bên cạnh đó, dữ liệu trong giai đoạn 2020–2022 chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch Covid-19, gây gián đoạn và biến động bất thường trong xu thế phát triển du lịch, phần nào tác động đến tính ổn định của kết quả phân tích. Ngoài ra, nghiên cứu chủ yếu dựa trên phân tích định lượng, chưa đi sâu khai thác các yếu tố định tính như chính sách phát triển, năng lực thể chế, chất lượng liên kết hay hạ tầng kết nối (là những yếu tố đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy liên kết vùng), do đó cần được mở rộng và làm rõ hơn trong các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2024), *Phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/06/2024, Hà Nội.*
2. Trần Văn Anh (2021), Liên kết phát triển du lịch khu vực miền Trung: Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững, *Tạp chí khoa học – DHSP Hà Nội*, 66(3), 144–153.
3. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *Hơn 71% khách du lịch nội địa đến vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung*, https://bvhttdl.gov.vn/hon-71-khach-du-lich-noi-dia-den-vung-bac-trung-bo-va-duyen-hai-mien-trung-2024123118405326.htm?utm_source=chatgpt.com.
4. Nguyễn Duy Quang, Bùi Quang Bình (2024), Nghiên cứu mối quan hệ giữa du lịch và tăng trưởng kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 22(8), 31–36.
5. Trần Thị Minh Hòa, Đinh Nhật Lê (2017), Các giải pháp phát triển hệ thống sản phẩm dịch vụ đảm bảo tính đồng bộ hình thành tuyến du lịch theo yêu cầu liên kết vùng Bắc – Nam Trung Bộ, *Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 3(6).
6. Nguyễn Đình Hiền, Hồ Thị Minh Phương (2017), Liên kết tạo động lực phát triển du lịch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Kế toán – Kiểm toán và Kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb. Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
7. Tổng Cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020), *Báo cáo thường niên du lịch Việt Nam 2019*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
8. Toà soạn Tạp chí khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An (2016), *Giải pháp liên kết phát triển du lịch Bắc – Nam Trung Bộ*, Số 2/2016.
9. Zhu, N., Zeng, G., Li, X., Zhong, Z. (2022), Optimum spatial scale of regional tourism cooperation based on spillover effects in tourism flows, *Tourism Economics*, 0(0), 1–28.
10. Nguyễn Văn Sĩ, Nguyễn Việt Bằng (2020), Ứng dụng mô hình hồi quy không gian trong phân tích tăng trưởng doanh thu du lịch của các tỉnh/thành tại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 15(2), 39–56.
11. Nguyễn Việt Thái, Bùi Thị Thanh (2019), Phân tích tác động không gian của ngành du lịch đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam, *Kinh tế và Quản lý*, Số 137+138/2020.
12. Levine, N. (1996), Spatial statistics and GIS: software tools to quantify spatial patterns, *Journal of the American Planning Association*, 62, 381–392.
13. Jong, P., Sprenger, C., Veen, F. (2010), On extreme values of Moran's I and Geary's c, *Geographical Analysis*, 16(1), 17–24.

14. Ying, L. G. (2000), Measuring the spillover effects: some Chinese evidence, *Papers in Regional Science*, 79(1), 75–89.
15. Coughlin, C. C., & Segev, E. (2000), *Foreign direct investment in China: A spatial econometric study*, *The World Economy*, 23, 1–23.
16. Cliff, A., D., and Ord, J., K. (1973), *Spatial Autocorrelation*, London: Pion.
17. Kondo, K. (2025), *Testing for spatial autocorrelation in Stata*, Discussion paper series, Kobe University, Japan.
18. Anselin, L. (1996), The Moran scatterplot as an ESDA tool to assess local instability in spatial association. In: Fisher M, Schönten HJ, Unwin D (eds) *Spatial analytical perspectives on GIS*, *Taylor & Francis*, London.
19. LeSage, J., Pace, R., K. (2009), *Introduction to Spatial Econometrics*, Taylor & Francis Group, LLC.
20. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021), *Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê trong hoạt động du lịch*, số 18/2021/TT-BVHTTDL, Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021.